

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành mức thu học phí đối với các chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học chính quy năm học 2026-2027

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

- Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;
- Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 06 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Căn cứ Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ quy định về Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo
- Căn cứ Quyết định 1959/QĐ-BGD&ĐT ngày 07/07/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;
- Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-HĐT ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại; Nghị quyết số 166/NQ-HĐT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại về việc điều chỉnh một số điều trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại và Nghị quyết số 148/NQ-HĐT ngày 11 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại
- Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐT ngày 27/09/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy chế Tài chính Trường Đại học Thương mại; Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ-HĐT ngày 29/9/2023 của Hội đồng trường ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tài chính Trường Đại học Thương mại;
- Căn cứ Quyết định số 2168/QĐ-ĐHTM ngày 06 tháng 12 năm 2023; Quyết định số 1528/QĐ-ĐHTM ngày 13 tháng 08 năm 2025 và Quyết định số 1116/QĐ-ĐHTM ngày 27 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại V/v ban hành Quy định thu chi nội bộ năm 2023 của Trường Đại học Thương mại;
- Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-ĐU ngày 07/01/2026 của BCH Đảng ủy Trường Đại học Thương mại về việc thông qua chính sách học phí các chương trình đào tạo năm học 2025-2026 và năm học 2026-2027;
- Căn cứ Đề nghị của Ông Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính và Bà Trưởng phòng Truyền thông và Tuyển sinh tại Tờ trình ngày 05/01/2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định mức thu học phí các chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học chính quy năm học 2026 - 2027 (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành trong năm học 2026 - 2027 và thay thế các văn bản về quyết định mức thu học phí trước đây liên quan đến nội dung trên.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa/Viện chuyên ngành; Trưởng các phòng Kế hoạch Tài chính, Quản lý Đào tạo, Công tác sinh viên, Truyền thông và Tuyển sinh và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu.
- Như điều 3.
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Hoàng

PHỤ LỤC 01

Mức thu học phí chương trình đào tạo đại học chính quy Khóa 59 năm học 2026-2027
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1816/QĐ-ĐHTM ngày 05 tháng 08 năm 2026 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

TT	Các chương trình đào tạo	Mức học phí
1	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình đào tạo thứ hai) gồm các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Marketing số; Marketing thương mại; Quản trị thương hiệu; Kiểm toán; Kinh tế Quốc tế; Thương mại quốc tế; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Tài chính ngân hàng thương mại; Quản trị Thương mại điện tử; Tiếng Trung thương mại (ngành ngôn ngữ Trung Quốc); Quản trị nhân lực doanh nghiệp; Phân tích kinh doanh trong môi trường số (ngành Kinh tế số);	998.000 đồng/tín chỉ
2	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình đào tạo thứ hai) gồm các chuyên ngành: Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh; Quản trị khách sạn; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Kế toán doanh nghiệp; Kế toán công; Quản lý kinh tế; Tài chính công; Quản trị hệ thống thông tin; Tiếng Anh thương mại; Luật kinh tế; Luật thương mại quốc tế;	910.500 đồng/tín chỉ
3	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình đào tạo thứ hai) chuyên ngành Tiếng Pháp thương mại.	837.300 đồng/tín chỉ
4	Đại học chính quy chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp	998.000 đồng/tín chỉ
5	Đại học chính quy chương trình đào tạo chất lượng cao; Chương trình tích hợp chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB)	1.206.500 đồng/tín chỉ
6	Các trường hợp khác	
	- Mức thu học phí chương trình đào tạo e-Learning (EL): + Đối với EL nhóm 1: bằng 80% học phí chương trình đào tạo tương ứng. + Đối với EL nhóm 2: bằng 90% học phí chương trình đào tạo tương ứng.	
	- Mức thu học phí đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn, chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp, chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình tích hợp chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB) học cải thiện điểm, học lại (trong thời gian học đúng tiến độ chuẩn 4 năm): Thu bằng mức học phí lần thứ nhất (tùy theo chương trình đào tạo).	
	- Trường hợp tổ chức học riêng theo nhu cầu người học thì mức thu theo thỏa thuận giữa người học và Trường trên cơ sở bù đắp đủ chi phí.	

PHỤ LỤC 02

Mức thu học phí chương trình đào tạo đại học chính quy Khóa 60 năm học 2026-2027
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1816/QĐ-ĐHTM ngày 05 tháng 08 năm 2026 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

TT	Các chương trình đào tạo	Mức học phí
1	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình 2) gồm các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Quản trị khách sạn; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Marketing số; Marketing thương mại; Quản trị thương hiệu; Kế toán doanh nghiệp; Kiểm toán; Kinh tế Quốc tế; Thương mại quốc tế; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Quản lý kinh tế; Tài chính ngân hàng thương mại; Công nghệ tài chính ngân hàng; Quản trị Thương mại điện tử; Kinh doanh số; Tiếng Anh thương mại; Luật kinh tế; Luật thương mại quốc tế; Tiếng Trung thương mại; Quản trị nhân lực doanh nghiệp; Phân tích kinh doanh trong môi trường số.	998.000 đồng/tín chỉ
2	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình 2) gồm các chuyên ngành: Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh; Kế toán công; Tài chính công; Quản trị hệ thống thông tin.	910.500 đồng/tín chỉ
3	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình đào tạo thứ hai) chuyên ngành Tiếng Pháp thương mại.	837.300 đồng/tín chỉ
4	Đại học chính quy chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp	998.000 đồng/tín chỉ
5	Đại học chính quy chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP)	1.377.200 đồng/tín chỉ
6	Các trường hợp khác	
	- Mức thu học phí chương trình đào tạo e-Learning (EL): + Đối với EL nhóm 1: bằng 80% học phí chương trình đào tạo tương ứng. + Đối với EL nhóm 2: bằng 90% học phí chương trình đào tạo tương ứng.	
	- Mức thu học phí đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn, chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp, chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP) học cải thiện điểm, học lại (trong thời gian học đúng tiến độ chuẩn 4 năm): Thu bằng mức học phí lần thứ nhất (tùy theo chương trình đào tạo).	
	- Trường hợp tổ chức học riêng theo nhu cầu người học thì mức thu theo thỏa thuận giữa người học và Trường trên cơ sở bù đắp đủ chi phí.	

PHỤ LỤC 03

Mức thu học phí chương trình đào tạo đại học chính quy Khóa 61 năm học 2026-2027
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1816/QĐ-ĐHTM ngày 05 tháng 08 năm 2026 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

TT	Các chương trình đào tạo	Mức học phí
1	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình 2) gồm các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Quản trị khách sạn; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Marketing số; Marketing thương mại; Quản trị thương hiệu; Kế toán doanh nghiệp; Kiểm toán; Kinh tế Quốc tế; Thương mại quốc tế; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Quản lý kinh tế; Công nghệ tài chính ngân hàng; Tài chính ngân hàng thương mại; Quản trị Thương mại điện tử; Kinh doanh số; Tiếng Anh thương mại; Luật kinh tế; Luật thương mại quốc tế; Tiếng Trung thương mại; Quản trị nhân lực doanh nghiệp; Phân tích kinh doanh trong môi trường số;	998.000 đồng/tín chỉ
2	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình 2) gồm các chuyên ngành: Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh; Kế toán công; Tài chính công; Quản trị hệ thống thông tin.	910.500 đồng/tín chỉ
3	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình đào tạo thứ hai) chuyên ngành Tiếng Pháp thương mại.	837.300 đồng/tín chỉ
4	Đại học chính quy chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP)	1.377.200 đồng/tín chỉ
5	Các trường hợp khác	
	- Mức thu học phí chương trình đào tạo e-Learning (EL): + Đối với EL nhóm 1: bằng 80% học phí chương trình đào tạo tương ứng. + Đối với EL nhóm 2: bằng 90% học phí chương trình đào tạo tương ứng.	
	- Mức thu học phí đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn, chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp, chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP) học cải thiện điểm, học lại (trong thời gian học đúng tiến độ chuẩn 4 năm): Thu bằng mức học phí lần thứ nhất (tùy theo chương trình đào tạo).	
	- Trường hợp tổ chức học riêng theo nhu cầu người học thì mức thu theo thỏa thuận giữa người học và Trường trên cơ sở bù đắp đủ chi phí.	

PHỤ LỤC 04

Mức thu học phí chương trình đào tạo đại học chính quy Khóa 62 năm học 2026-2027
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1816/QĐ-ĐHTM ngày 05 tháng 08 năm 2026 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

TT	Các chương trình đào tạo	Mức học phí
1	Nhóm 1 - Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình 2) gồm các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Quản trị khách sạn; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Marketing số; Marketing thương mại; Quản trị thương hiệu; Kế toán doanh nghiệp; Kiểm toán; Kinh tế Quốc tế; Thương mại quốc tế; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Quản lý kinh tế; Công nghệ tài chính ngân hàng; Tài chính ngân hàng thương mại; Quản trị Thương mại điện tử; Kinh doanh số; Tiếng Anh thương mại; Luật kinh tế; Luật thương mại quốc tế; Tiếng Trung thương mại; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh; Quản trị nhân lực doanh nghiệp; Phân tích kinh doanh trong môi trường số.	998.000 đồng/tín chỉ
2	Nhóm 2 - Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình 2) gồm các chuyên ngành: Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh; Kế toán công; Tài chính công; Quản trị hệ thống thông tin.	910.500 đồng/tín chỉ
3	Nhóm 3 - Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình đào tạo thứ hai) chuyên ngành Tiếng Pháp thương mại.	837.300 đồng/tín chỉ
4	Đại học chính quy chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP)	1.377.200 đồng/tín chỉ
5	Các trường hợp khác	
	- Mức thu học phí CTĐT tiếng Anh bổ sung cho sinh viên các CTĐT chuẩn và định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP) bằng 75% học phí nhóm 1 Khóa 62	748.500 đồng/tín chỉ
	- Mức thu học phí chương trình đào tạo e-Learning (EL): + Đối với EL nhóm 1: bằng 80% học phí chương trình đào tạo tương ứng. + Đối với EL nhóm 2: bằng 90% học phí chương trình đào tạo tương ứng.	
	- Mức thu học phí đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn, chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp, chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP) học cải thiện điểm, học lại (trong thời gian học đúng tiến độ chuẩn 4 năm): Thu bằng mức học phí lần thứ nhất (tùy theo chương trình đào tạo).	
	- Trường hợp tổ chức học riêng theo nhu cầu người học thì mức thu theo thỏa thuận giữa người học và Trường trên cơ sở bù đắp đủ chi phí.	

PHỤ LỤC 05

Mức thu học phí chương trình đào tạo đại học chính quy học quá thời hạn quy định của chương trình đào tạo tiến độ chuẩn (trên 4 năm đến 7 năm) năm học 2026 - 2027

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1816/QĐ-ĐHTM ngày 05 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

TT	Các chương trình đào tạo	Mức học phí
1	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình 2) gồm các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Quản trị khách sạn; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Marketing số; Marketing thương mại; Quản trị thương hiệu; Kế toán doanh nghiệp; Kiểm toán; Kinh tế Quốc tế; Thương mại quốc tế; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Quản lý kinh tế; Công nghệ tài chính ngân hàng; Tài chính ngân hàng thương mại; Quản trị Thương mại điện tử; Kinh doanh số; Tiếng Anh thương mại; Luật kinh tế; Luật thương mại quốc tế; Tiếng Trung thương mại; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh; Quản trị nhân lực doanh nghiệp; Phân tích kinh doanh trong môi trường số.	998.000 đồng/tín chỉ
2	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình 2) gồm các chuyên ngành: Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh; Kế toán công; Tài chính công; Quản trị hệ thống thông tin.	910.500 đồng/tín chỉ
3	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình đào tạo thứ hai) gồm chuyên ngành: Tiếng Pháp thương mại.	837.300 đồng/tín chỉ
4	Đại học chính quy chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp gồm các ngành: Quản trị hệ thống thông tin; Quản trị khách sạn; Quản trị dịch vụ và du lịch lữ hành.	998.000 đồng/tín chỉ
5	Đại học chính quy chương trình đào tạo chất lượng cao, Chương trình tích hợp chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB)	1.206.500 đồng/tín chỉ
6	Đại học chính quy chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP)	1.377.200 đồng/tín chỉ

PHỤ LỤC 06

Mức thu học phí chương trình đào tạo đại học chính quy đối với người học thuộc các đối tượng miễn, giảm học phí năm học 2026-2027

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1816/QĐ-ĐHTM ngày 05 tháng 08 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo	Mức học phí phải nộp đối với đối tượng miễn học phí (Chênh lệch giữa số tiền phải nộp và được miễn đối với đối tượng sinh viên CTĐT định hướng NN, CTĐT chất lượng cao, ICAEW CFAB, IPOP, Tiên tiến, Song Bằng)	Mức học phí phải nộp đối với đối tượng giảm 70%	Mức học phí phải nộp đối với đối tượng giảm 50%
I. Chương trình đào tạo chuẩn			
1. CTĐT chuẩn Khóa 59		174.600 đồng/tín chi	291.000 đồng/tín chi
2. CTĐT chuẩn Khóa 60, 61, 62			
2.1. CTĐT thuộc nhóm ngành III, gồm các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh; Marketing số; Marketing thương mại; Quản trị thương hiệu; Kế toán doanh nghiệp; Kế toán công; Kiểm toán; Thương mại quốc tế; Công nghệ tài chính ngân hàng; Tài chính ngân hàng thương mại; Tài chính công; Quản trị Thương mại điện tử; Kinh doanh số; Quản trị hệ thống thông tin; Luật kinh tế; Luật thương mại quốc tế; Tiếng Trung thương mại; Tiếng Pháp thương mại; Quản trị nhân lực doanh nghiệp;		174.600 đồng/tín chi	291.000 đồng/tín chi
2.2. CTĐT thuộc nhóm ngành V gồm chuyên ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh.		203.800 đồng/tín chi	339.800 đồng/tín chi
2.3. CTĐT thuộc nhóm ngành VII gồm các chuyên ngành: Quản trị khách sạn; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Kinh tế Quốc tế; Quản lý kinh tế; Tiếng Anh thương mại; Tiếng Trung thương mại; Phân tích kinh doanh trong môi trường số;		186.300 đồng/tín chi	310.500 đồng/tín chi
II. Chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp			
1. Khóa 59	415.900 đồng/tín chi	590.500 đồng/tín chi	706.900 đồng/tín chi
2. Khóa 60			
2.1. CTĐT định hướng nghề nghiệp thuộc nhóm ngành III, gồm chuyên ngành: Quản trị hệ thống thông tin	415.900 đồng/tín chi	590.500 đồng/tín chi	706.900 đồng/tín chi

M

Chương trình đào tạo	Mức học phí phải nộp đối với đối tượng miễn học phí (Chênh lệch giữa số tiền phải nộp và được miễn đối với đối tượng sinh viên CTĐT định hướng NN, CTĐT chất lượng cao, ICAEW CFAB, IPOP, Tiên tiến, Song Bằng)	Mức học phí phải nộp đối với đối tượng giảm 70%	Mức học phí phải nộp đối với đối tượng giảm 50%
2.2. CTĐT định hướng nghề nghiệp thuộc nhóm ngành VII, gồm các chuyên ngành: Quản trị khách sạn; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	376.900 đồng/tín chỉ	563.200 đồng/tín chỉ	687.400 đồng/tín chỉ
III. Các chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình tích hợp chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB), định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP)			
1. CTĐT chất lượng cao, ICAEW CFAB Khóa 59 , gồm các ngành: Quản trị kinh doanh; Quản trị khách sạn; Marketing thương mại; Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế ICAEW CFAB; Thương mại quốc tế; Tài chính - Ngân hàng thương mại; Logistics và xuất nhập khẩu; Quản trị nhân lực doanh nghiệp	624.400 đồng/tín chỉ	799.000 đồng/tín chỉ	915.400 đồng/tín chỉ
2. CTĐT định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP) Khóa 60, 61, 62 thuộc các nhóm chuyên ngành sau:			
2.1. CTĐT định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP) Khóa 60 thuộc các nhóm chuyên ngành sau:			
2.1.1. CTĐT thuộc nhóm ngành III, gồm các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Marketing thương mại; Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế ICAEW CFAB; Thương mại quốc tế; Tài chính - Ngân hàng thương mại; Quản trị nhân lực doanh nghiệp	795.100 đồng/tín chỉ	969.700 đồng/tín chỉ	1.086.100 đồng/tín chỉ
2.1.2. CTĐT thuộc nhóm ngành V, gồm chuyên ngành: Logistics và xuất nhập khẩu	697.600 đồng/tín chỉ	901.400 đồng/tín chỉ	1.037.400 đồng/tín chỉ
2.1.3. CTĐT thuộc nhóm ngành VII, gồm chuyên ngành: Quản trị khách sạn;	756.100 đồng/tín chỉ	942.400 đồng/tín chỉ	1.066.600 đồng/tín chỉ
2.2. CTĐT định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP) Khóa 61 thuộc các nhóm chuyên ngành sau:			
2.2.1. CTĐT thuộc nhóm ngành III, gồm các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Marketing thương mại; Quản trị thương hiệu; Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB); Kiểm toán tích hợp chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB); Thương mại quốc tế; Luật kinh doanh; Thương mại điện tử; Quản trị Hệ thống thông tin; Quản trị nhân lực doanh nghiệp; Tài chính - Ngân hàng thương mại; Phân tích dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh.	795.100 đồng/tín chỉ	969.700 đồng/tín chỉ	1.086.100 đồng/tín chỉ
2.2.2. CTĐT thuộc nhóm ngành V, chuyên ngành: Logistics và xuất nhập khẩu	697.600 đồng/tín chỉ	901.400 đồng/tín chỉ	1.037.400 đồng/tín chỉ

Chương trình đào tạo	Mức học phí phải nộp đối với đối tượng miễn học phí (Chênh lệch giữa số tiền phải nộp và được miễn đối với đối tượng sinh viên CTĐT định hướng NN, CTĐT chất lượng cao, ICAEW CFAB, IPOP, Tiên tiến, Song Bằng)	Mức học phí phải nộp đối với đối tượng giảm 70%	Mức học phí phải nộp đối với đối tượng giảm 50%
2.2.3. CTĐT thuộc nhóm ngành VII, chuyên ngành: Quản trị khách sạn; Kinh tế và Quản lý đầu tư; Tiếng Trung thương mại;	756.100 đồng/tín chỉ	942.400 đồng/tín chỉ	1.066.600 đồng/tín chỉ
2.3. CTĐT định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP) Khóa 62 thuộc các nhóm chuyên ngành sau:			
2.3.1. CTĐT thuộc nhóm ngành III, gồm các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Marketing thương mại; Quản trị thương hiệu; Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB); Kiểm toán tích hợp chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB); Thương mại quốc tế; Tài chính - Ngân hàng thương mại; Thương mại điện tử; Quản trị Hệ thống thông tin; Luật kinh doanh; Quản trị nhân lực doanh nghiệp.	795.100 đồng/tín chỉ	969.700 đồng/tín chỉ	1.086.100 đồng/tín chỉ
2.3.2. CTĐT thuộc nhóm ngành V, gồm các chuyên ngành: Logistics và xuất nhập khẩu; Logistics và Quản lý vận tải đa phương thức	697.600 đồng/tín chỉ	901.400 đồng/tín chỉ	1.037.400 đồng/tín chỉ
2.3.3. CTĐT thuộc nhóm ngành VII, chuyên ngành: Quản trị khách sạn; Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí; Kinh tế và Quản lý đầu tư; Tiếng Trung thương mại; Phân tích dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh	756.100 đồng/tín chỉ	942.400 đồng/tín chỉ	1.066.600 đồng/tín chỉ
IV. Chương trình đào tạo Tiên tiến, Song bằng			
1. CTĐT Tiên tiến và song bằng quốc tế K61			
1.1. CTĐT Tiên tiến	873.100 đồng/tín chỉ	1.047.700 đồng/tín chỉ	1.164.100 đồng/tín chỉ
1.2. CTĐT Song bằng quốc tế			
1.2.1. CTĐT Song bằng quốc tế ngành Marketing	779.100 đồng/tín chỉ	953.700 đồng/tín chỉ	1.070.100 đồng/tín chỉ
1.2.2. CTĐT Song bằng quốc tế ngành Quản trị kinh doanh	737.700 đồng/tín chỉ	912.300 đồng/tín chỉ	1.028.700 đồng/tín chỉ
2. CTĐT Tiên tiến và song bằng quốc tế K62			
2.1. CTĐT Tiên tiến	873.100 đồng/tín chỉ	1.047.700 đồng/tín chỉ	1.164.100 đồng/tín chỉ
2.2. CTĐT Song bằng quốc tế			
2.2.1. CTĐT Song bằng quốc tế ngành Marketing	1.042.900 đồng/tín chỉ	1.217.500 đồng/tín chỉ	1.333.900 đồng/tín chỉ
2.2.2. CTĐT Song bằng quốc tế ngành Quản trị kinh doanh	984.100 đồng/tín chỉ	1.158.700 đồng/tín chỉ	1.275.100 đồng/tín chỉ
2.2.3. CTĐT Song bằng quốc tế ngành Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế	974.700 đồng/tín chỉ	1.149.300 đồng/tín chỉ	1.265.700 đồng/tín chỉ
2.2.4. CTĐT Song bằng quốc tế ngành Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng	868.000 đồng/tín chỉ	1.071.800 đồng/tín chỉ	1.207.800 đồng/tín chỉ